

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN**  
**CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>13 - 31</b>

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và 04 lần được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 2 năm 2023 do thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 0216 351 1222

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Ngày 28 tháng 10 năm 2021
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Ngày 23 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày 25 tháng 6 năm 2022

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Mai Đình Đình	Ủy viên	Ngày 27 tháng 06 năm 2020
Ông Lê Đình Chính	Ủy viên	Ngày 27 tháng 06 năm 2020

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	Ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Ngày 06 tháng 11 năm 2019
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc	Ngày 05 tháng 02 năm 2024
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	Ngày 06 tháng 12 năm 2019



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,  
Giám đốc



**Hoàng Anh Quân**  
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 2.0366/25/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.15 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc trình bày, phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc**

*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0059-2023-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025



**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

*Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1907-2023-008-1*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>316.019.111.793</b>	<b>289.940.506.938</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>5.375.147.510</b>	<b>21.497.749.792</b>
1. Tiền	111		5.375.147.510	21.497.749.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>10.713.226.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	5.000.000.000	10.713.226.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>158.950.741.084</b>	<b>150.661.026.955</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	140.302.636.107	117.728.577.477
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.349.531.861	34.320.210.580
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	3.616.299.698	1.693.444.714
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.317.726.582)	(3.081.205.816)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>106.083.660.683</b>	<b>78.234.930.239</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	106.083.660.683	78.234.930.239
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>40.609.562.516</b>	<b>28.833.573.952</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	3.959.766.879	3.784.515.961
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.219.364.392	25.035.136.286
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.430.431.245	13.921.705
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>307.644.478.662</b>	<b>274.883.381.537</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>228.037.600</b>	<b>353.298.600</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	228.037.600	353.298.600
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>298.420.094.786</b>	<b>235.446.249.786</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	240.849.686.734	173.351.065.529
Nguyên giá	222		357.894.394.082	266.887.194.636
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.044.707.348)	(93.536.129.107)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	57.200.805.901	62.095.184.257
Nguyên giá	225		66.836.193.210	66.836.193.210
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.635.387.309)	(4.741.008.953)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	369.602.151	-
Nguyên giá	228		440.500.000	70.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.897.849)	(70.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>30.986.920.207</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	30.986.920.207
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.996.346.276</b>	<b>8.096.912.944</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.996.346.276	8.096.912.944
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>623.663.590.455</b>	<b>564.823.888.475</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>436.428.829.368</b>	<b>383.770.967.900</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>313.644.381.674</b>	<b>289.554.915.810</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	60.885.247.393	46.891.145.725
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.009.387.714	675.683.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	72.825.296	551.731.756
4. Phải trả người lao động	314		4.820.457.000	3.202.850.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.049.346.415	5.841.955.343
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.035.789.525	372.850.984
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	239.771.328.331	232.018.698.187
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>122.784.447.694</b>	<b>94.216.052.090</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	23.022.986.928	8.752.424.492
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	99.761.460.766	85.463.627.598
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>187.234.761.087</b>	<b>181.052.920.575</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>187.234.761.087</b>	<b>181.052.920.575</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.416.238.169	8.416.238.169
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.819.722.918	29.637.882.406
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.487.942.406	29.637.882.406
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.331.780.512	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>623.663.590.455</b>	<b>564.823.888.475</b>

Người lập biểu



Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng



Đào Thị Dịu

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Hoàng Anh Quân



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	771.126.424.746	555.433.451.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL2	327.305.000	1.717.975.570
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		770.799.119.746	553.715.475.640
4. Giá vốn hàng bán	11	VL3	531.178.535.898	387.408.084.822
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		239.620.583.848	166.307.390.818
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL4	8.560.217.337	2.865.588.187
7. Chi phí tài chính	22	VL5	23.750.436.894	19.482.659.913
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.497.866.556	15.287.480.646
8. Chi phí bán hàng	25	VL6	196.455.978.660	124.768.018.987
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL7	9.923.848.029	7.858.295.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.050.537.602	17.064.005.056
11. Thu nhập khác	31		77.471.121	300.449
12. Chi phí khác	32		535.132.568	341.367.716
13. Lợi nhuận khác	40		(457.661.447)	(341.067.267)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.592.876.155	16.722.937.789
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.261.095.643	3.317.898.710
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.331.780.512	13.405.039.079
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	932	937
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL8	932	937

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		17.592.876.155	16.722.937.789
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		29.279.313.877	20.651.363.265
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	(763.479.234)	(369.601.551)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	166.513.779	743.210.476
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(325.810.758)	219.652.933
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	20.497.866.556	15.287.480.646
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		66.447.280.375	53.255.043.558
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.274.279.571)	(32.641.830.401)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36.230.153.374)	(17.412.809.243)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		25.166.555.545	5.952.282.563
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.074.684.250)	(1.651.968.647)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.868.941.969)	(15.229.486.624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(6.105.798.298)	(2.968.154.845)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.059.978.458	(10.696.923.639)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(38.286.405.347)	(109.300.441.113)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		203.703.704	305.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.969.443.011)	(10.883.226.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		28.682.669.011	170.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	14.850.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		299.783.987	447.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.069.691.656)	(104.858.219.524)

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	689.586.584.045	551.511.320.785
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(657.451.449.015)	(415.778.410.482)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.15b	(10.097.488.175)	(10.965.214.942)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.16	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.887.706.855	117.617.755.361
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(16.122.006.343)	2.062.612.198
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.497.749.792	19.440.056.143
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(595.939)	(4.918.549)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.375.147.510	21.497.749.792

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Hai Võ



Đào Thị Dịu



Hoàng Anh Quân





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và kinh doanh bột đá  $\text{CaCO}_3$ .

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 241 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 182 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

##### 4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí sau:

#### *Chi phí san lấp mặt bằng*

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định khác	5

## **9. Tài sản cố định thuê tài chính**

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất,



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	224.609.879	43.856.208
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.150.537.631	21.453.893.584
<b>Cộng</b>	<b>5.375.147.510</b>	<b>21.497.749.792</b>

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lãi suất 3,8%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>64.856.947.114</b>	<b>63.939.132.108</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	1.808.474.800	7.370.900.350
Công ty Cổ phần Pollyfill	11.327.219.592	32.070.639.700
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	51.630.079.222	24.463.376.938
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	91.173.500	34.215.120
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>75.445.688.993</b>	<b>53.789.445.369</b>
<b>Cộng</b>	<b>140.302.636.107</b>	<b>117.728.577.477</b>
<b>Trong đó:</b>		
Phải thu khách hàng khu vực trong nước	109.462.154.526	100.864.137.664
Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài	30.840.481.581	16.864.439.813
<b>Cộng</b>	<b>140.302.636.107</b>	<b>117.728.577.477</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước các bên liên quan</b>	<b>5.729.911.456</b>	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan	5.729.911.456	-
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>	<b>11.619.620.405</b>	<b>34.320.210.580</b>
Vsunny Science & Technology Holdings (HK) Limited	-	25.169.242.500
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Tâm An	2.203.519.500	-
Các nhà cung cấp khác	9.416.100.905	9.150.968.080
<b>Cộng</b>	<b>17.349.531.861</b>	<b>34.320.210.580</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	-	-
Thuế GTGT thuê tài chính	2.130.349.151	-	801.573.452	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.465.950.547	-	891.871.262	-
<b>Cộng</b>	<b>3.616.299.698</b>	<b>-</b>	<b>1.693.444.714</b>	<b>-</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược thuê tài chính dài hạn.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	(1.070.540.942)	1.070.540.942	(1.070.540.942)
Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	(982.514.540)	982.514.540	(982.514.540)
Các tổ chức và cá nhân khác	264.671.100	(264.671.100)	1.028.150.334	(1.028.150.334)
<b>Cộng</b>	<b>2.317.726.582</b>	<b>(2.317.726.582)</b>	<b>3.081.205.816</b>	<b>(3.081.205.816)</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.081.205.816	3.230.804.052
Trích lập dự phòng bổ sung	-	94.381.500
Hoàn nhập dự phòng	(763.479.234)	(243.979.736)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.317.726.582</b>	<b>3.081.205.816</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	87.078.655.567	-	66.239.326.711	-
Công cụ, dụng cụ	11.268.299.945	-	4.205.975.112	-
Thành phẩm	6.333.989.759	-	7.393.683.821	-
Hàng gửi bán	1.402.715.412	-	395.944.595	-
<b>Cộng</b>	<b>106.083.660.683</b>	<b>-</b>	<b>78.234.930.239</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.799.868.998	2.721.655.796
Chi phí sửa chữa	224.080.236	788.826.672
Chi phí bảo hiểm	511.750.844	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	424.066.801	274.033.493
<b>Cộng</b>	<b>3.959.766.879</b>	<b>3.784.515.961</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	561.069.766	-
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	7.385.840.001	7.567.348.701
Chi phí sửa chữa	721.973.780	295.114.427
Các chi phí trả trước dài hạn khác	327.462.729	234.449.816
<b>Cộng</b>	<b>8.996.346.276</b>	<b>8.096.912.944</b>

(\*) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016. Giá trị thi công san lấp mặt bằng đã được thể chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.15a).

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	78.980.287.324	168.636.413.894	17.825.319.690	904.651.728	540.522.000	266.887.194.636
Mua trong năm	10.580.392.961	7.980.611.446	3.968.994.680	422.021.545	2.320.229.645	25.272.250.277
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.346.636.227	65.254.646.276	-	187.303.030	-	66.788.585.533
Thanh lý trong năm	-	-	(1.053.636.364)	-	-	(1.053.636.364)
<b>Số cuối năm</b>	<b>90.907.316.512</b>	<b>241.871.671.616</b>	<b>20.740.678.006</b>	<b>1.513.976.303</b>	<b>2.860.751.645</b>	<b>357.894.394.082</b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.409.991.636	636.590.000	-	451.876.455	-	2.498.458.091
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	20.314.691.746	63.387.786.877	8.841.647.856	632.855.788	359.146.840	93.536.129.107
Khấu hao trong năm	5.018.804.751	16.877.514.660	2.147.845.117	139.698.755	200.674.389	24.384.537.672
Thanh lý, trong năm	-	-	(875.959.431)	-	-	(875.959.431)
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.333.496.497</b>	<b>80.265.301.537</b>	<b>10.113.533.542</b>	<b>772.554.543</b>	<b>559.821.229</b>	<b>117.044.707.348</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	58.665.595.578	105.248.627.017	8.983.671.834	271.795.940	181.375.160	173.351.065.529
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.573.820.015</b>	<b>161.606.370.079</b>	<b>10.627.144.464</b>	<b>741.421.760</b>	<b>2.300.930.416</b>	<b>240.849.686.734</b>
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 120.590.686.889 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.15).



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	59.656.193.210	7.180.000.000	66.836.193.210
Số cuối năm	59.656.193.210	7.180.000.000	66.836.193.210
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	4.071.524.936	669.484.017	4.741.008.953
Khấu hao trong năm	3.866.756.748	1.027.621.608	4.894.378.356
Số cuối năm	7.938.281.684	1.697.105.625	9.635.387.309
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	55.584.668.274	6.510.515.983	62.095.184.257
Số cuối năm	51.717.911.526	5.482.894.375	57.200.805.901

**11. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy tính. Chi tiết số phát sinh như sau:

	<b>Nguyên giá</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
Số đầu năm	70.500.000	(70.500.000)	-
Mua trong năm	370.000.000	-	370.000.000
Khấu hao trong năm	-	(397.849)	(397.849)
Số cuối năm	440.500.000	(70.897.849)	369.602.151
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	70.500.000		

**12. Phải trả người bán****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>996.776.443</b>	<b>4.155.527.413</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	468.390.275	4.155.527.413
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	250.186.168	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	216.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	62.200.000	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>59.888.470.950</b>	<b>42.735.618.312</b>
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd	-	11.724.000.000
Công ty Liên doanh Canxi Cacbonat YBB	10.288.180.034	5.742.182.328
Công ty TNHH Bao bì Việt Bắc	7.559.255.448	3.770.571.352
Công ty Cổ phần HCP Logistic	6.604.374.015	-
Các nhà cung cấp khác	35.436.661.453	21.498.864.632
<b>Cộng</b>	<b>60.885.247.393</b>	<b>46.891.145.725</b>
<i>Trong đó:</i>		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	54.274.309.408	31.870.405.775
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	6.610.937.985	15.020.739.950
<b>Cộng</b>	<b>60.885.247.393</b>	<b>46.891.145.725</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>19.956.866.928</b>	<b>5.821.424.492</b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	14.193.682.436	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	2.301.303.192	3.461.881.300
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	3.461.881.300	2.359.543.192
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>3.066.120.000</b>	<b>2.931.000.000</b>
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd	3.066.120.000	2.931.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.022.986.928</b>	<b>8.752.424.492</b>
<b>Trong đó:</b>		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	19.956.866.928	5.821.424.492
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	3.066.120.000	2.931.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.022.986.928</b>	<b>8.752.424.492</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.368.746.996	(2.368.746.996)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	13.761.705	12.825.087.553	(12.924.953.148)	-	113.627.300
Thuế thu nhập doanh nghiệp	527.898.710	-	4.261.095.643	(6.105.798.298)	-	1.316.803.945
Thuế thu nhập cá nhân	23.833.046	-	246.065.473	(197.323.223)	72.575.296	-
Tiền thuế đất	-	-	31.407.773	(31.407.773)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	160.000	354.707.877	(354.297.877)	250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>551.731.756</b>	<b>13.921.705</b>	<b>20.087.111.315</b>	<b>(21.982.527.315)</b>	<b>72.825.296</b>	<b>1.430.431.245</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.592.876.155	16.722.937.789
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	823.104.120	(133.444.240)
- Các khoản điều chỉnh tăng	837.839.566	233.792.431
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.735.446)	(367.236.671)
Thu nhập chịu thuế	18.415.980.275	16.589.493.549
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.683.196.055</b>	<b>3.317.898.710</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>577.899.588</b>	<b>-</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>4.261.095.643</b>	<b>3.317.898.710</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Diện tích	Mức tiền thuê
Xã Văn Lăng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	7.359,5 m <sup>2</sup>	2.250 VND/m <sup>2</sup>
KCN phía Nam, xã Văn Phú, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	32.877,3 m <sup>2</sup>	2.250 VND/m <sup>2</sup>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	290.533.724	661.609.137
Trích trước chi phí làm hàng xuất khẩu	5.758.812.691	5.180.346.206
Cộng	6.049.346.415	5.841.955.343

#### 15. Vay và nợ thuê tài chính

##### 15a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	125.737.850.879	135.021.470.561
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Sở giao dịch I <sup>(ii)</sup>	114.033.477.452	96.997.227.626
Cộng	239.771.328.331	232.018.698.187

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh bột đá với hạn mức tín dụng 180 tỷ VND; thời hạn vay từng lần tối đa không quá 6 tháng; lãi suất vay quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng cổ phần của các cổ đông trong Công ty tối thiểu 51% vốn điều lệ (Trong đó, cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu tối thiểu 23%); tài sản gắn liền với đất hình thành từ Dự án bột đá CaCO<sub>3</sub>; quyền tài sản từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; hàng tồn kho và phải thu luân chuyển của công ty hình thành từ vốn vay Ngân hàng; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 120 tỷ VND; thời hạn và lãi suất vay được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng: Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX818982 do UBND tỉnh Yên Bái cấp; giá trị thi công san lấp nhà xưởng số 1, 2, 3 và nhà kho số 1, 2 (Xem thuyết minh số V.8b) và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	232.018.698.187	151.317.371.149
Số tiền vay phát sinh	654.526.504.045	477.338.737.520
Số tiền vay đã trả	(646.773.873.901)	(396.637.410.482)
Số cuối năm	239.771.328.331	232.018.698.187



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>56.172.384.886</b>	<b>42.294.680.000</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	56.172.384.886	42.294.680.000
<b>Vay dài hạn các cá nhân <sup>(ii)</sup></b>	<b>14.150.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>
Bà Hồ Nhật Lệ	6.150.000.000	4.500.000.000
Bà Đặng Minh Trang	5.000.000.000	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nguyên	2.000.000.000	-
Ông Bùi Hai Võ	1.000.000.000	-
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>29.439.075.880</b>	<b>33.668.947.598</b>
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(iii)</sup>	29.439.075.880	33.668.947.598
<b>Cộng</b>	<b>99.761.460.766</b>	<b>85.463.627.598</b>

Các khoản Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong năm 2025 được trình bày tổng hợp trong mục “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, số tiền 21.935.786.316 VND (số đầu năm: 24.295.308.792 VND).

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long nhằm mục đích đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với tổng hạn mức vay là 65 tỷ VND; thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, ân hạn 3 tháng; lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền tài sản từ việc khai thác bằng phương pháp lộ thiên đá hoa tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; hàng tồn kho và phải thu luân chuyển của Công ty tương tự như Khoản vay ngắn hạn cùng Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.15a) và tài sản hình thành từ chính vốn vay này.
- (ii) Vay tín chấp các cá nhân để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm.
- (iii) Thuê tài chính theo các hợp đồng thuê:

<b>Ngày ký kết</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Thời hạn thuê</b>	<b>Thời hạn thu hồi nợ gốc</b>	<b>Lãi suất</b>
20/12/2020	102.900 USD	60 tháng	60 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 3%/năm
08/6/2021	757.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng bằng đồng USD cùng thời điểm cộng biên độ 4,5%/năm
08/3/2023	960.000 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,8%/năm
19/6/2023	4.256.600.000 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm
25/7/2023	5.157.294.545 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	56.172.384.886	14.924.526.228	41.247.858.658
Vay dài hạn các cá nhân	14.150.000.000	-	14.150.000.000
Nợ thuê tài chính	29.439.075.880	7.011.260.088	22.427.815.792
<b>Cộng</b>	<b>99.761.460.766</b>	<b>21.935.786.316</b>	<b>77.825.674.450</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	42.294.680.000	10.668.000.000	31.626.680.000
Vay dài hạn các cá nhân	9.500.000.000	4.500.000.000	5.000.000.000
Nợ thuê tài chính	33.668.947.598	9.127.308.792	24.541.638.806
<b>Cộng</b>	<b>85.463.627.598</b>	<b>24.295.308.792</b>	<b>61.168.318.806</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	42.294.680.000	9.500.000.000	33.668.947.598	85.463.627.598
Số tiền vay phát sinh trong năm	24.555.280.000	4.650.000.000	5.854.800.000	35.060.080.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(10.677.575.114)	-	(10.097.488.175)	(20.775.063.289)
Chênh lệch tỷ giá do đánh lại cuối năm	-	-	12.816.457	12.816.457
<b>Số cuối năm</b>	<b>56.172.384.886</b>	<b>14.150.000.000</b>	<b>29.439.075.880</b>	<b>99.761.460.766</b>

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000	8.416.238.169	23.382.783.327	174.797.821.496
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	13.405.039.079	13.405.039.079
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>29.637.882.406</b>	<b>181.052.920.575</b>
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	8.416.238.169	29.637.882.406	181.052.920.575
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	13.331.780.512	13.331.780.512
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>35.819.722.918</b>	<b>187.234.761.087</b>

16b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.299.880	14.299.880

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ ngày 22 tháng 6 năm 2024 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông (5%/vốn điều lệ) : 7.149.940.000 VND

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 104.019,04 USD (số đầu năm là 121.701,30 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	14.126.804.875	20.517.850.000
Doanh thu bán thành phẩm	756.999.619.871	534.915.601.210
<b>Cộng</b>	<b>771.126.424.746</b>	<b>555.433.451.210</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa	482.226.683.523	407.980.840.217
Doanh thu xuất khẩu	288.899.741.223	147.452.610.993
<b>Cộng</b>	<b>771.126.424.746</b>	<b>555.433.451.210</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	42.316.091.544	53.988.958.350
Công ty Cổ phần Polyfill	153.023.271.256	148.498.808.426
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	127.081.864.863	85.634.499.368
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	484.700.000	92.400.000

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	248.411.500	1.668.512.630
Giảm giá hàng bán	78.893.500	49.462.940
<b>Cộng</b>	<b>327.305.000</b>	<b>1.717.975.570</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	14.185.797.571	20.548.088.894
Giá vốn của thành phẩm đã bán	516.992.738.327	366.859.995.928
<b>Cộng</b>	<b>531.178.535.898</b>	<b>387.408.084.822</b>
<i>Trong đó:</i>		
Giá vốn nội địa	386.292.996.081	310.407.236.111
Giá vốn xuất khẩu	144.885.539.817	77.000.848.711
<b>Cộng</b>	<b>531.178.535.898</b>	<b>387.408.084.822</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	299.783.987	447.589
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.865.245	8.121.863
Lãi từ vay hoán đổi lãi suất CCS	1.207.559.404	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.045.008.701	2.857.018.735
<b>Cộng</b>	<b>8.560.217.337</b>	<b>2.865.588.187</b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	20.497.866.556	15.287.480.646
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn	-	(220.003.315)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.086.056.559	3.671.972.106
Lỗ CLTG do đánh giá lại số dư cuối năm	166.513.779	743.210.476
<b>Cộng</b>	<b>23.750.436.894</b>	<b>19.482.659.913</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.179.517.284	3.258.834.220
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.502.309.543	886.781.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	186.193.219.908	120.505.124.293
<i>Trong đó: Chi phí vận chuyển</i>	<i>185.483.877.743</i>	<i>119.143.276.927</i>
Các chi phí khác	1.580.931.925	117.279.054
<b>Cộng</b>	<b>196.455.978.660</b>	<b>124.768.018.987</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.225.741.940	3.312.501.126
Chi phí đồ dùng văn phòng	207.703.018	64.889.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.845.794	859.338.425
Thuế, phí và lệ phí	1.455.036.533	767.515.867
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(763.479.234)	(149.598.236)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.813.089.913	2.085.701.036
Các chi phí khác	810.910.065	917.947.232
<b>Cộng</b>	<b>9.923.848.029</b>	<b>7.858.295.049</b>

**8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.331.780.512	13.405.039.079
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	13.331.780.512	13.405.039.079
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.299.880	14.299.880
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>932</b>	<b>937</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	352.709.240.611	251.381.338.568
Chi phí nhân công	37.293.297.039	25.485.316.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.279.313.877	20.651.363.265
Chi phí dịch vụ mua ngoài	299.860.283.400	206.543.050.794
Chi phí khác	4.177.506.844	2.064.425.052
Cộng	723.319.641.771	506.125.493.714

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm tiền thù lao phải trả HĐQT, BKS, số tiền 291.600.000 VND (Năm trước là 324.000.000 VND).

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc	413.614.061	60.000.000	473.614.061
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	60.000.000	60.000.000
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	347.475.200	-	347.475.200
Ông Hoàng Minh Hiếu	Phó Giám đốc (từ 05/02/2024)	154.000.000	-	154.000.000
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	65.000.000	-	65.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Đình Chính	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Cộng		980.089.261	324.000.000	1.304.089.261



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Năm trước</i>		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	120.000.000	120.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc (từ 09/02/2023)	284.099.000	60.000.000	344.099.000
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	60.000.000	60.000.000
Ông Huỳnh Song Trà	Giám đốc (đến 09/02/2023)	-	-	-
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	339.112.000	-	339.112.000
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	77.000.000	-	77.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	36.000.000	36.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Đình Chính	Thành viên BKS	-	24.000.000	24.000.000
<b>Cộng</b>		<b>700.211.000</b>	<b>324.000.000</b>	<b>1.024.211.000</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	-	1.786.479.000
Thuê văn phòng	668.400.000	419.490.323
<b><i>Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	-	831.000.000
Mua tài sản cố định	200.000.000	327.983.000
Thanh lý tài sản cố định	-	300.000.000
Bù trừ công nợ	-	324.000.000
<b><i>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	227.441.971	3.539.488.939
Thu lại tiền ứng mua đá	-	7.600.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	196.162.475.286	126.015.727.891
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	1.365.000.000	1.922.750.000
Ứng tiền mua đá theo Hợp đồng nguyên tắc	-	20.000.000.000
Thu lại tiền ứng mua đá	-	3.000.000.000
Bù trừ công nợ 3 bên (*)	18.000.000.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái</b>		
Bù trừ công nợ 3 bên (*)	18.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan</b>		
Mua nguyên vật liệu	11.767.662.480	-

(\*) Bù trừ công nợ ba bên theo thoả thuận số 01/BB/YBM-MB-EP ngày 31/12/2024 về bù trừ công nợ phải thu Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái với công nợ phải trả Công ty Cổ phần Khoáng sản Simco-Fansipan.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4 và V.12.

*Cam kết bảo lãnh*

Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu dùng cổ phần sở hữu của mình tại Công ty để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long cho số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này, tối đa là 32.889.724.000 VND (tương đương 23% vốn điều lệ của Công ty) (Xem thuyết minh số V.15a).

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.2. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3 và V.12. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

